HB1019

HIỆP ĐỊNH

giữa

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

và

CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA

VỀ ĐIỀU KIỆN ĐI LẠI CỦA CÔNG DÂN HAI NƯỚC

* * *

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga, dưới đây gọi tắt là "Các Bên ký kết";

Mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Công dân của quốc gia này có thể nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và tạm trú trên lãnh thổ quốc gia kia bằng hộ chiếu quốc gia còn hiệu lực theo những điều kiện mà Hiệp định này quy định.

Điều 2

Hộ chiếu quốc gia còn hiệu lực trong Hiệp định này bao gồm:

1. Đối với công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
   - hộ chiếu ngoại giao,
   - hộ chiếu công vụ,
   - hộ chiếu phổ thông,
   - hộ chiếu thuyền viên,
   - giấy thông hành thay hộ chiếu dùng trở về Việt nam.

2. Đối với công dân Liên bang Nga:
   - hộ chiếu ngoại giao,
   - hộ chiếu công vụ,
   - hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài,
   - hộ chiếu thuyền viên,
   - giấy thông hành trở về Liên bang Nga.

Điều 3

Công dân của quốc gia này mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ có thể nhập cảnh, xuất cảnh, tạm trú trong vòng 90 ngày và quá cảnh lãnh thổ quốc gia kia miễn thị thực.

Các cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết này có thể gia hạn thời gian tạm trú trên lãnh thổ nước mình cho công dân của quốc gia kia mang các loại hộ chiếu nói trên khi có lý do chính đáng hoặc theo yêu cầu chính thức.

Điều 4

Công dân của quốc gia này mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ, là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, đại diện chính thức tại các cơ quan và các tổ chức quốc tế, cán bộ của các tổ chức, cơ quan đóng trên lãnh thổ quốc gia kia theo các thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga, có thể tạm trú miễn thị thực trên lãnh thổ quốc gia đó trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức.

Thành viên gia đình họ, bao gồm vợ, chồng, các con đang được họ nuôi dưỡng, mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ có thể tạm trú trên lãnh thổ quốc gia kia miễn thị thực trong suốt nhiệm kỳ công tác chính thức.

Điều 5

Công dân của quốc gia này mang hộ chiếu phổ thông hoặc hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài thực hiện các chuyến đi công vụ và kinh doanh có thể nhập cảnh lãnh thổ quốc gia kia theo thị thực được cấp trên cơ sở giấy mời chính thức của các tổ chức và pháp nhân.

Thị thực cho các công dân nói trên được cấp trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ.

Điều 6

Công dân của quốc gia này mang hộ chiếu phổ thông hoặc hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài thực hiện các chuyến đi vì việc riêng có thể nhập cảnh lãnh thổ quốc gia kia theo thị thực được cấp trên cơ sở thông báo của cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó đi đến.

Điều 7

Công dân của quốc gia này mang hộ chiếu thuyền viên và là thủy thủ trên tàu của quốc gia đó có thể đến, rời khỏi trên tàu của họ và tạm trú trên lãnh thổ quốc gia kia được miễn thị thực.

Trong trường hợp những công dân đó đi lại bằng đường bộ, đường sắt và đường hàng không qua lãnh thổ quốc gia kia thì họ được miễn thị thực khi trong hộ chiếu thuyền viên có ghi mục đích chuyến đi và nơi đến.

Điều 8

Công dân của quốc gia này đi đến lãnh thổ quốc gia kia theo giấy mời của viên chức ngoại giao, nhân viên hành chính, kỹ thuật, nhân viên phục vụ của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, có thể thực hiện các chuyến đi như vậy bằng hộ chiếu phổ thông hoặc hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài được miễn thị thực trên cơ sở giấy mời ra nước ngoài (thư mời) có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của quốc gia mà người đó là công dân.

Giấy mời và sự xác nhận việc mời được lập bằng ngôn ngữ của quốc gia nơi sẽ thực hiện chuyến đi.

Điều 9

Công dân của quốc gia này thường trú trên lãnh thổ quốc gia thứ ba có thể thực hiện các chuyến đi đến lãnh thổ quốc gia kia theo các quy định đối với công dân của quốc gia nơi họ thường trú.

Điều 10

Các chuyến đi của trẻ em vị thành niên được thực hiện theo các điều khoản của Hiệp định này bằng hộ chiếu quốc gia còn hiệu lực của trẻ em đó, cũng như hộ chiếu quốc gia còn hiệu lực của cha mẹ hoặc của những người cùng đi, nếu trẻ em đó được ghi vào trong hộ chiếu của những người này. Nhất thiết phải có ảnh của trẻ em trong hộ chiếu của cha mẹ hoặc những người cùng đi.

Điều 11

Công dân của quốc gia này nhập cảnh lãnh thổ quốc gia kia để lao động hoặc thường trú, cần có thị thực nhập cảnh của quốc gia đó được cấp trên cơ sở các giấy tờ khẳng định mục đích chuyến đi.

Điều 12

Công dân của quốc gia này mang hộ chiếu phổ thông hoặc hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài có thể quá cảnh lãnh thổ quốc gia kia bằng thị thực quá cảnh được cấp trên cơ sở có thị thực của nước đến, nếu tồn tại chế độ đi lại có thị thực với nước đó và có giấy tờ đi lại hoặc giấy tờ khẳng định chính thức là có vé tới nơi đến.

Điều 13

Việc nhập cảnh của công dân quốc gia này vào lãnh thổ quốc gia kia và việc xuất cảnh của họ được thực hiện qua các cửa khẩu dành cho giao lưu quốc tế của hai nước.

Điều 14

Qua đường ngoại giao các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau trong thời hạn ngắn nhất có thể được về những thay đổi trong quy chế của nước mình về nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú đối với người nước ngoài.

Điều 15

Công dân của quốc gia này trong thời gian tạm trú trên lãnh thổ quốc gia kia cần tuân thủ luật và các quy định của nước sở tại đối với người nước ngoài.

Điều 16

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền của các Bên ký kết từ chối cho phép nhập cảnh hoặc chấm dứt thời hạn tạm trú trên lãnh thổ nước mình đối với công dân quốc gia kia.

Điều 17

Công dân của quốc gia này mất hộ chiếu trên lãnh thổ quốc gia kia, xuất cảnh nước sở tại để về nước bằng hộ chiếu mới hoặc giấy thông hành do cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự nước mình cấp, phải có thị thực xuất cảnh của nước sở tại. Tuy nhiên, các hộ chiếu ngoại giao và công vụ được cấp lại vẫn được miễn thị thực.

Điều 18

Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này cấp thị thực cho công dân của quốc gia kia miễn thu lệ phí lãnh sự.

Điều 19

Vì những lý do an ninh, trật tự xã hội, y tế và những lý do khác các Bên ký kết có thể đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực các điều khoản của Hiệp định này. Trong trường hợp đó các Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau ngay lập tức qua đường ngoại giao.

Điều 20

Cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết thông qua đường ngoại giao trao cho nhau mẫu các loại hộ chiếu quốc gia hiện hành không chậm hơn 30 ngày trước khi Hiệp định này có hiệu lực. Trong trường hợp có sự thay đổi trong các loại hộ chiếu hiện hành hoặc đưa vào sử dụng loại hộ chiếu mới, thì các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên thông báo và trao cho nhau mẫu các loại hộ chiếu đó ít nhất là trước 30 ngày.

Điều 21

Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung theo sự thỏa thuận của hai Bên ký kết.

Điều 22

Hiệp định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng khẳng định rằng mọi thủ tục cần thiết của nội luật đã được từng Bên ký kết hoàn thành để Hiệp định có hiệu lực.

Điều 23

Kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết về điều kiện đi lại lẫn nhau của công dân và Nghị định thư kèm theo ký ngày 15 tháng 7 năm 1981 sẽ mất hiệu lực trong quan hệ giữa các Bên ký kết.

Điều 24

Hiệp định này sẽ mất hiệu lực sau 90 ngày, kể từ ngày Bên ký kết này nhận được thông báo bằng văn bản của Bên ký kết kia về ý định của Bên đó chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Làm tại Matxcova ngày 28 tháng 10 năm 1993, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Nga, cả hai văn bản có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA

С О Г Л А Ш Е Н И Е

между Правительством Социалистической Республики Вьетнам и Правительством Российской Федерации об условиях взаимных поездок граждан

Правительство Социалистической Республики Вьетнам и Правительство Российской Федерации,

именуемые далее Договаривающимися Сторонами,

руководствуясь желанием развивать дружественные отношения между двумя странами,

согласились о нижеследующем:

Статья I

Граждане одного Государства могут въезжать, выезжать, следовать транзитом и временно пребывать на территории другого Государства по действительным национальным паспортам на условиях, предусмотренных настоящим Соглашением.

Статья 2

Действительными национальными паспортами в смысле настоящего Соглашения являются:

I. Для граждан Социалистической Республики Вьетнам:

- дипломатический паспорт,
- служебный паспорт,
- общегражданский паспорт,
- паспорт моряка,
- свидетельство, заменяющее паспорт при возвращении в СРВ.

2. Для граждан Российской Федерации:

- дипломатический паспорт,
- служебный паспорт,
- общегражданский заграничный паспорт,
- паспорт моряка,
- свидетельство на возвращение в Российскую Федерацию.

Статья 3

Граждане одного Государства, имеющие дипломатические и служебные паспорта, могут въезжать, выезжать, пребывать в течение 90 дней и следовать транзитом через территорию другого Государства без виз.

Компетентные органы одной Договаривающейся Стороны при обоснованных мотивах или по официальной просьбе могут продлить срок пребывания на своей территории этой категории граждан другого Государства.

Статья 4

Граждане одного Государства - владельцы дипломатических или служебных паспортов, члены дипломатического представительства, консульского учреждения, официальные представители в международных организациях и их учреждениях, сотрудники организаций, учрежденных в соответствии с соглашениями между правительствами Социалистической Республики Вьетнам и Российской Федерации, расположенных на территории другого Государства, могут находиться на его территории без виз в течение всего срока их официальной миссии.

Члены их семей, включая мужа, жену и детей, находящихся на их иждивении, имеющие дипломатические или служебные паспорта, могут пребывать на территории другого Государства без виз в течение всего срока официальной миссии.

Статья 5

Граждане одного Государства, имеющие общегражданские паспорта или общегражданские заграничные паспорта и совершающие поездки со служебными и деловыми целями, могут въезжать на территорию другого Государства по визам, выдаваемым на основании официальных приглашений юридических лиц и организаций.

Визы этой категории граждан выдаются в течение 7 рабочих дней с момента обращения.

Статья 6

Граждане одного Государства, имеющие общегражданские паспорта или общегражданские заграничные паспорта и совершающие поездки по частным делам, могут въезжать на территорию другого Государства по визам, выдаваемым на основании извещений, оформленных компетентными органами Государства, на территорию которого совершается поездка.

Статья 7

Граждане одного Государства, имеющие паспорт моряка и являющиеся членами экипажей судов этого Государства, прибывают, убывают на своих судах и временно находятся на территории другого Государства без виз.

В случае их передвижения наземным или воздушным транспортом они следуют через территорию другого Государства без виз при наличии в паспорте моряка записи о цели поездки и пункте назначения.

Статья 8

Граждане одного Государства, направляющиеся на территорию другого Государства по приглашению членов дипломатического, административно-технического и обслуживающего персонала дипломатических представительств и консульских учреждений, могут совершать такие поездки по общегражданским паспортам или общегражданским заграничным паспортам без виз на основании свидетельства о приглашении за границу (гостевого письма), заверенного дипломатическим представительством или консульским учреждением Государства своего гражданства.

Свидетельство о приглашении и заверение составляются на языке Государства, на территорию которого совершается поездка.

Статья 9

Граждане одного Государства, постоянно проживающие на территории третьего государства, могут совершать поездки на территорию другого Государства на условиях, предусмотренных для граждан государства, на территории которого они постоянно проживают.

Статья 10

Поездки несовершеннолетних детей осуществляются в соответствии с положениями настоящего Соглашения по их действительным национальным паспортам, а также по действительным национальным паспортам родителей или лиц их сопровождающих, если они вписаны в эти паспорта.

Наличие фотографии детей в паспортах родителей или сопровождающих лиц обязательно.

Статья II

Граждане одного Государства, въезжающие на территорию другого Государства с целью осуществления трудовой деятельности или на постоянное жительство, должны иметь въездную визу этого Государства, выдаваемую при наличии у них подтверждающих документов.

Статья I2

Граждане одного Государства, имеющие общегражданские паспорта или общегражданские заграничные паспорта, могут следовать транзитом через территорию другого Государства по транзитной визе, выдаваемой при наличии визы страны назначения, если существует визовой режим поездок с этой страной, и проездных документов или официального подтверждения о наличии билета до места назначения.

Статья I3

Въезд граждан одного Государства на территорию другого Государства и их выезд осуществляется через контрольно-пропускные пункты обоих государств, открытые для международного пассажирского сообщения.

Статья I4

Компетентные органы Договаривающихся Сторон в возможно короткие сроки будут информировать друг друга по дипломатическим каналам об изменениях режима въезда, пребывания и выезда иностранцев в своих странах.

Статья I5

Граждане одного Государства во время пребывания на территории другого Государства обязаны соблюдать законы и правила Государства пребывания, установленные для иностранных граждан.

Статья I6

Настоящее Соглашение не затрагивает права Договаривающихся Сторон отказать во въезде или приостановить пребывание на своей территории граждан другого Государства.

Статья I7

Граждане одного Государства, утратившие национальный паспорт на территории другого Государства, выезжают из страны пребывания по новому паспорту или свидетельству на возвращение, выданному дипломатическим представительством или консульским учреждением соответствующего Государства, при наличии выездной визы страны пребывания. При этом во вновь выданных дипломатических и служебных паспортах выездная виза не требуется.

Статья I8

Дипломатические представительства, консульские учреждения и компетентные органы одного Государства выдают визы гражданам другого Государства без взимания консульских сборов.

Статья I9

Договаривающиеся Стороны по соображениям общественного порядка или безопасности, а также по санитарным и другим причинам могут частично или полностью приостанавливать действие положений настоящего Соглашения. В таких случаях они будут незамедлительно информировать друг друга по дипломатическим каналам.

Статья 20

Компетентные органы Договаривающихся Сторон обмениваются по дипломатическим каналам образцами действующих национальных паспортов не позднее, чем за 30 дней до вступления настоящего Соглашения в силу. В случае изменения действующих или введения новых национальных паспортов компетентные органы не менее, чем за 30 дней уведомляют друг друга об этом и обмениваются образцами данных документов.

Статья 2I

В настоящее Соглашение могут вноситься дополнения и изменения по взаимному согласию Договаривающихся Сторон.

Статья 22

Настоящее Соглашение вступает в силу через 30 дней с даты последнего уведомления, подтверждающего, что каждой из Договаривающихся Сторон выполнены надлежащие внутригосударственные процедуры, необходимые для его вступления в силу.

Статья 23

Со дня вступления в силу настоящего Соглашения прекращает свое действие в отношениях между Договаривающимися Сторонами Соглашение между Правительством Социалистической Республики Вьетнам и Правительством Союза Советских Социалистических Республик об условиях взаимных поездок граждан от I5 июля I98I года и Протокол к нему.

Статья 24

Настоящее Соглашение будет оставаться в силе до истечения 90 дней со дня получения одной Договаривающейся Стороной письменного уведомления другой Договаривающейся Стороны о ее намерении прекратить его действие.

Совершено в Москве 28 октября I993 года, в двух экземплярах, каждый на вьетнамском и русском языках, причем оба текста имеют одинаковую силу.

ЗА ПРАВИТЕЛЬСТВО
СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКИ
ВЬЕТНАМ

ЗА ПРАВИТЕЛЬСТВО
РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ

BỘ NGOẠI GIAO

Số : 07 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
"Để báo cáo,
Để thực hiện".

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 1994

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ LP và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Nguyễn Bá Sơn

Nơi gửi :

- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Nội vụ,
- Bộ Tư pháp,
- Tổng cục Hải quan,
- Bộ tư lệnh Biên phòng,
- Cục Lãnh sự,
- ĐSQ Việt Nam tại LB Nga,
- Vụ Đông Âu - Trung Á,
- Vụ Luật pháp quốc tế,
- LT (11b).